

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HS-ST

Ngày: 22-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giáp

Ông Triệu Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 04 năm 2026, đối với bị cáo:

Triệu Hồng T (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 19/12/1995 tại xã B, tỉnh Thái Nguyên. Nơi thường trú và nơi ở: Thôn P, xã B, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bàn Tiến L, sinh năm 1967 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1973; Bị cáo có vợ là Triệu Thị P (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01. Ngày 28/03/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 20 tháng (QĐ số 05/2023/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 29/10/2024.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/01/2026 đến nay tại xã B, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sầm Đức T1 - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh T (Có mặt).

Bị hại: Ông Bàn Hữu T2, sinh ngày 1982. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại (văn bản ủy quyền ngày 23/12/2025) đồng thời là người làm chứng: Bà Bàn Thị C, sinh năm 1988 - Cùng có địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1951 - Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ sáng ngày 01/12/2025, Triệu Hồng T một mình đi bộ từ nhà sang khu vực thôn C, xã N chơi. Khi đi đến nhà ông Bàn Hữu T2, tại thôn C, xã N, T thấy không có ai ở nhà, cửa chính nhà ông T2 khóa ngoài, cửa bếp đóng, tuy nhiên quan sát thấy cửa bếp lỏng lẻo (cửa bếp làm bằng kim loại, có khung kim loại hàn với mép tường, có bố trí chốt sắt ở khung kim loại - cài phía trong, có khoảng hở, nên T thò ngón tay vào vị trí khoảng hở ở cửa bếp với K để đẩy chốt và dùng tay giữ, rung lắc cửa bếp thì chốt bật ra và cửa mở ra được. Sau khi mở được cửa bếp, T đi vào bếp rồi đi lên gian nhà chính, tại đây T quan sát thấy 01 chiếc xe mô tô (nhãn hiệu HONDA, số loại Blade, màu sơn trắng - đen, biển số đăng ký 97B1-815.80) đang cắm sẵn chìa khóa điện, cạnh tường nhà có nhiều bao thóc nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T liền bê 01 bao thóc (thóc tẻ loại thóc HKT 99) - loại bao tải dứa màu cam, nặng khoảng 30kg lên giá đề hàng phía trước yên xe sau đó T quay đầu xe mô tô và dắt xe mô tô đã dắt bao thóc lên bên trên đi ra hướng cửa bếp rồi đi ra sân nhà ông T2. Ra đến sân, T dựng xe rồi tìm xung quanh bếp 01 mẫu gỗ nhỏ, T đóng cửa bếp lại và nhét mẫu gỗ nhỏ xuống dưới cánh cửa để giữ cửa bếp không mở ra. Sau đó, T lên xe, di chuyển theo đường liên xã theo hướng ra trung tâm xã N, đến đoạn nhà chị Hứa Thị L1 ở thôn T, xã N, T dừng xe trước cửa nhà chị L1 và gọi điện cho chị L1 thì có bà Phạm Thị G (mẹ chị L1) ra gặp T, T ngỏ ý bán thóc thì bà G đồng ý. Thái bê bao thóc vào nhà kho của gia đình bà G, bà G cân bao thóc được 30kg và trả cho T số tiền 185.000 đồng. Sau khi có được tiền do bán bao thóc, T điều khiển xe mô tô theo đường Quốc lộ 3 lên khu vực xã B, tại khu vực thôn B, xã N, T gặp và mua được 01 gói nhỏ ma túy (heroine) với giá 100.000 đồng với một người đàn ông lạ mặt, mua ma túy xong, T cầm gói ma túy vào bên cạnh đường một mình sử dụng hết. Sau đó, T lại điều khiển xe mô tô đi vào khu vực thôn H, xã N, khi T đi qua chợ H, em gái của ông Bàn Hữu T2 là bà Bàn Thị C nhìn thấy T đang điều khiển xe của anh trai mình (trong khi ông T2 đang đi làm ăn xa, không ở nhà) nên bà C đã gọi T lại và nói nếu không để xe lại thì sẽ báo công an, T đã để xe lại ở quán của bà C và bỏ đi.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTSTTHS, ngày 10/01/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã N kết luận: *01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Blade, màu sơn trắng - đen, biển số đăng ký 97B1-81580, đăng ký lần đầu năm 2019, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 5.500.000 đồng, 30kg thóc tẻ loại thóc HKT 99 có giá trị là 255.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Triệu Hồng T trộm cắp là 5.755.000 đồng.*

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-KV8, ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Triệu Hồng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Triệu Hồng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) xử phạt bị cáo Triệu Hồng T từ 08 tháng đến 11 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản kiểm tra xác định nơi xảy ra vụ việc, kết quả thực nghiệm điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 01/12/2025, tại nhà của ông Bàn Hữu T2 thuộc thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên, Triệu Hồng T, sinh năm 1995, trú tại: thôn P, xã B, tỉnh Thái Nguyên đã một mình lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Blade, biển số 97B1-815.80, đã qua sử dụng trị giá 5.500.000 đồng và 01 bao thóc tẻ, loại HKT 99 có trọng lượng 30kg có trị giá 255.000 đồng (Tổng trị giá tài sản Triệu Hồng T trộm cắp là 5.755.000 đồng) của gia đình ông T2, sau đó đem số thóc trộm được đi bán được số tiền 185.000 đồng và đã tiêu dùng cá nhân hết.

Hành vi của Triệu Hồng T đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, ý thức chấp hành pháp luật kém, cần tiền tiêu dùng cá nhân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo

Bị cáo có 01 tiền sự. Bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai

nghiệm bắt buộc trong thời gian 20 tháng, đã chấp hành xong ngày 29/10/2024. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trước phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 255.000 đồng cho người đại diện theo ủy quyền của bị hại. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo

- Về hình phạt chính: Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, người bào chữa là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người đại diện theo ủy quyền của bị hại xác nhận đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô bị trộm cắp. Đối với số thóc không thu lại được, bà C yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị của 30kg thóc theo kết luận định giá tài sản là 255.000 đồng. Trước phiên tòa, bà C đã nhận đủ số tiền bồi thường 255.000 từ bị cáo và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G không có yêu cầu bị cáo bồi thường. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô bị Triệu Hồng T trộm cắp là tài sản của gia đình ông Bàn Hữu T2. Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bà Bàn Thị C là người đại diện theo ủy quyền của ông T2 là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 30kg thóc mà bị cáo đã bán cho bà Phạm Thị G, gia đình bà G đã sử dụng hết nên cơ quan điều tra không thu giữ lại được.

Đối với số tiền 85.000 đồng còn lại do bị cáo bán thóc trộm cắp được mà có, bị cáo đã tiêu xài hết, cơ quan điều tra không thu giữ lại được.

[8] Vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với việc bị cáo khai đã sử dụng số tiền bán tài sản trộm cắp có được đi mua ma túy (loại heroine) với một người đàn ông lạ mặt về sử dụng, quá trình xác minh, ngay khi được triệu tập bị cáo đến làm việc, cơ quan điều tra đã tiến hành xét nghiệm, giám định ma túy trong nước tiểu đối với bị cáo, tuy nhiên kết quả thể hiện trong cơ thể bị cáo không có chất ma túy, cơ quan điều tra không xử lý đối với bị cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Đối với người đàn ông mà bị cáo khai được mua ma túy, quá trình điều tra không xác định được người này, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với bà Phạm Thị G người đã mua bao thóc với bị cáo, quá trình điều tra xác định bà G không biết số thóc mà bị cáo bán là do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí. Do vậy, bị cáo được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Triệu Hồng T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên (PC10);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại, người ĐD theo UQ của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ